



Flashcardo.com

Toivomme, että nämä tulostettavat muistipelikortit ovat sinulle hyödyllisiä. Löydät vielä enemmän muistipelikorttituotteita verkkosivuiltamme www.flashcardo.com/fi. Flashcardo.com-sivustolla tarjoamme verkkokortteja, toistoväliin perustuvia muistipelikortteja, videomuistipelikortteja ja paljon muuta. Kaikki ilmaiseksi ja valmiina käytettäväksi oppijoiden ympäri maailmaa.

Tekijänoikeus, lisenssihuomautukset

Tämä PDF on suojattu tekijänoikeuslain nojalla ja kaikki oikeudet pidätetään. Saat jakaa tätä PDF-tiedostoa vapaasti kenelle tahansa. Et kuitenkaan saa myydä tätä PDF:ää tai sen sisältöä. Jos sinulla on kysyttävää, käy osoitteessa www.flashcardo.com/fi ottaaksesi meihin yhteyttä. Kiitos!

Vastuuvapauslauseke

TÄMÄ PDF TARJOTAAN "SELLAISENAAN" ILMAN MITÄÄN TAKUUTA, ILMOITETTUA TAI OLETETTUA, MUKAAN LUKIEN MUTTA EI RAJOITTUEN TAKUUSEEN KAUPALLISESTA HYÖDYNNETTÄVYYDESTÄ, SOPIVUUDESTA TIETTYYN TARKOITUKSEEN JA OIKEUKSIEN LOUKKAAMATTOMUUDESTA. MISSÄÄN TAPAUKSESSA TEKIJÄT TAI TEKIJÄNOIKEUDEN HALTIJAT EIVÄT OLE VASTUUSSA MISTÄÄN VAATEISTA, VAHINGOISTA TAI MUISTA VASTUUISTA, OLIKYSEESSÄ SITTEN SOPIMUS, OIKEUDENVASTAINEN TEKO TAI MUU, JOTKA JOHTUVAT TÄSTÄ PDF:Ä TAI SEN KÄYTÖSTÄ TAI MUISTA TOIMISTA PDF YHTEYDESSÄ.

Tekijänoikeus © 2025 Flashcardo.com. Kaikki oikeudet pidätetään

Kaksipuolinen tulostus

Huomaa, että nämä muistipelikortit on tarkoitettu tulostettaviksi kaksipuolisina. Jos tulostimesi ei tue kaksipuolista tulostusta, lataa yksittäiset muistipelikorttien PDF-tiedostot tulostamista varten.

Perusteet

minä

sinä

hän
miespuolinen

hän
naispuolinen

se

me

te

he

mikä

kuka

missä

miksi

miten

kumpi

milloin

sitten

jos

todella

mutta

koska

ei

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

tämä

että

kaikki

tai

ja

täällä

siellä

vasen

oikea
suunta

nyt

iltapäivä

aamu
9:00-11:00

yö

aamu
6:00-9:00

ilta

keskipäivä

keskiyö

tunti

minuutti

sekunti

päivä

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

viikko

kuukausi

vuosi

eilen

tänään

huomenna

maanantai

tiistai

keskiviikko

torstai

perjantai

lauantai

sunnuntai

nainen

mies

rakkaus

poikaystävä

tyttöystävä

ystävä

suudelma

seksi

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

lapsi

tyttö

poika
lapsi

äiskä

iskä

äiti
yleinen

isä
yleinen

vanhemmat

poika
vanhemmat

tytär

pikkusisko

pikkuveli

isosisko

isovelj

aviomies

vaimo

jokainen
kaikki

aina

oikeastaan

uudelleen

jo

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

vähemmän

eniten

lisää

ei yhtään

erittäin

ulkona

sisällä

kaukana

lähellä

alla

yllä

vieressä

edessä

takana

jokainen
ihmiset

yhdessä

muut

kevät

kesä

syksy

talvi

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

tammikuu

helmikuu

maaliskuu

huhtikuu

toukokuu

kesäkuu

heinäkuu

elokuu

syyskuu

lokakuu

marraskuu

joulukuu

pohjoinen

itä

etelä

länsi

usein

heti

yhtäkkiä

vaikka

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Numerot

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

hai

một

không

năm

bốn

ba

tám

bảy

sáu

mười một

mười

chín

mười bốn

mười ba

mười hai

mười bảy

mười sáu

mười năm

hai mươi

mười chín

mười tám

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

hai mươi sáu

hai mươi hai

hai mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi mốt

ba mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi

ba mươi bảy

năm mươi

bốn mươi tám

bốn mươi bốn

năm mươi chín

năm mươi lăm

năm mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi mốt

sáu mươi

bảy mươi mốt

bảy mươi

sáu mươi sáu

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

tám mươi

bảy mươi bảy

bảy mươi ba

tám mươi tám

tám mươi bốn

tám mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi mốt

chín mươi

một trăm linh một

một trăm

chín mươi chín

một trăm năm mươi mốt

một trăm mười

một trăm linh năm

hai trăm linh sáu

hai trăm linh hai

hai trăm

ba trăm

hai trăm sáu mươi hai

hai trăm hai mươi

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

ba trăm ba mươi

ba trăm linh bảy

ba trăm linh ba

bốn trăm linh bốn

bốn trăm

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm tám mươi bốn

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm linh tám

năm trăm linh chín

năm trăm linh năm

năm trăm

sáu trăm

năm trăm chín mươi lăm

năm trăm năm mươi

sáu trăm mười sáu

sáu trăm linh sáu

sáu trăm linh một

bảy trăm linh hai

bảy trăm

sáu trăm sáu mươi

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

bảy trăm bảy mươi

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm linh bảy

tám trăm linh tám

tám trăm linh ba

tám trăm

chín trăm

tám trăm tám mươi

tám trăm ba mươi tám

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm linh chín

chín trăm linh bốn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn

chín trăm chín mươi

hai nghìn

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

một nghìn không trăm mười
hai

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn không trăm linh hai

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

bốn nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

ba nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

năm nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

bảy nghìn tám trăm chín
mười

bảy nghìn

sáu nghìn

chín nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

tám nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

mười nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

bốn mươi bốn nghìn

ba mươi nghìn ba trăm

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

một triệu

năm trăm nghìn

một trăm nghìn

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

bảy mươi triệu

mười triệu

sáu triệu

một tỷ

tám trăm triệu

một trăm triệu

hai mươi tỷ

mười tỷ

chín tỷ

một nghìn tỷ

ba trăm tỷ

một trăm tỷ

Verbit

tietää

ajatella

tulla

laittaa

ottaa

löytää

kuunnella

työskennellä

puhua

antaa
yleinen

tykätä

auttaa

rakastaa

soittaa

odottaa

seistä

istua

sulkea

avata
ovi

hävitä

voittaa

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

kuolla

elää

laittaa päälle

sammuttaa

tappaa

vahingoittaa

koskea

katsoa

juoda

syödä

kävellä

tavata

lyödä vetoa

suudella

seurata

mennä naimisiin

vastata

kysyä

vetää
ovi

työntää
ovi

painaa

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

lyödä

ottaa kiinni

tapella

heittää

juosta

lukea

kirjoittaa

korjata

laskea
1, 2, 3, ...

leikata

myydä

ostaa

maksaa

opiskella

unelmoida

nukkua

pelata

juhlia

nauttia

siivota

ampua

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

puolustaa

hyökätä

varastaa

polttaa

pelastaa

lentää

sylkeä

potkaista

purra

hengittää

haistaa

itkeä

laulaa

hymyillä

nauraa

kasvaa

kutistua

riidellä

jakaa

ruokkia

piilottaa

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhỏ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

varoittaa

uida

hypätä

nostaa

kaivaa

toimittaa

etsiä

harjoitella

matkustaa

maalata

avata
lukko

lukita

pestä

rukoilla

laittaa ruokaa

oksentaa

huutaa

lainata

tulostaa

laskea
 $1 + 2 = 3$

ansaita

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Adjektiivit

uusi

vanha
tavara

harva

moni

väärä

oikea
adjektiivi

huono

hyvä

onnellinen

lyhyt
tie

pitkä
tie

pieni

iso

kaunis

nuori

vanha
henkilö

valkoinen

musta

punainen

sininen

vihreä

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

keltainen

hidas

nopea

hauska

epäreilu

reilu

vaikea

helppo

rikas

köyhä

vahva

heikko

turvallinen

väsynyt

ylpeä

kylläinen

sairas

terve

vihainen

matala
diagrammi

korkea

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

makea

hapan

pehmeä

kova
tavara

suloinen

tyhmä

hullu

kiireinen

pitkä
henkilö

lyhyt
henkilö

huolestunut

yllättynyt

kiltti

ilkeä

nokkela

kylmä

kuuma

oranssi

harmaa

ruskea

vaaleanpunainen

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

tylsä

raskas

kevyt

yksinäinen

nälkäinen

janoinen

surullinen

jyrkkä

tasainen

kapea

leveä

syvä

matala
vesi

valtava

likainen

puhdas

täysi

tyhjä

kallis

halpa

seksikäs

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

dốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

laiska

rohkea

antelias

märkä

kuiva

äänekäs

hiljainen

aurinkoinen

sateinen

sumuinen

pilvinen

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Urheilu

voimistelu

tennis

juoksu

pyöräily

golf

jalkapallo

koripallo

uinti

sukellus

vaellus

maraton

triatlon

pöytätennis

painonnosto

nyrkkeily

sulkapallo

taitoluistelu

lumilautailu

hiihto

maastohiihto

jääkiekko

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

lentopallo

käsipallo

rantalentopallo

rugby

kriketti

pesäpallo

amerikkalainen jalkapallo

vesipallo

uimahyppy

surffaus

purjehdus

soutu

jooga

tanssi

laskuvarjohyppy

shakki

pokeri

keilaus

baletti

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Eläimet

sika

lehmä

hevonen

koira

lammas

apina

kissa

karhu

kana
eläin

ankka

perhonen

mehiläinen

kala
eläin

hämähäkki

käärme

tiikeri

hiiri
eläin

jänis

leijona

aasi

norsu

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

kyyhkynen

ötökkä

hyttynen

kärpänen

muurahainen

valas

hai

delfiini

etana

sammakko

panda

jääkarhu

susi

koala

kenguru

kirahvi

kettu

virtahepo

lepakko

korppi

joutsen

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

lokki

pöllö

pingviini

papukaija

toukka

sudenkorento

kalmari

mustekala

merihevonen

hylje

meduusa

rapu

dinosaurius

kilpikonna

krokotiili

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Maat

Eurooppa

Aasia

Amerikka

Afrikka

Yhdistynyt kuningaskunta

Espanja

Sveitsi

Italia

Ranska

Saksa

Thaimaa

Singapore

Venäjä

Japani

Israel

Intia

Kiina

Yhdysvallat

Meksiko

Kanada

Chile

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Brasilia

Argentiina

Etelä-Afrikka

Nigeria

Marokko

Libya

Kenia

Algeria

Egypti

Uusi Seelanti

Australia

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Vartalo

pää

nenä

hius

suu

korva

silmä

käsi

jalkaterä

sydän

aivot

kaula

takapuoli

olkapää

polvi

jalka

käsivarsi

vatsa

rinta

selkä

hammas

kieli

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

huuli

sormi

varvas

mahalaukku

keuhko

maksa

hermo

munuainen

suoli

otsa

leuka

poski

parta

peukalo

pikkusormi

nimetön

keskisormi

etusormi

sormenkynsi

kantapää

selkäranka

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

lihas

luu
keho

luuranko

kylkiluu

nikama

rakko

suoni

valtimo

vagina

sperma

penis

kives

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Talo

ovi

keittiö

kylpyhuone

olohuone

makuuhuone

puutarha

autotalli

seinä

kellari

WC
rakennus

portaat

katto

ikkuna
rakennus

veitsi

muki

lasi

lautanen

kuppi

roskakori

kulho

kirjoituspöytä

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

sänky

peili

suihku

sohva

valokuva

kello

pöytä

tuoli

naapuri

hissi

parveke

ullakko

savupiippu

puukauha

syömäpuikko

ruokailuvälineet

lusikka

haarukka

kauha

kattila

paistinpannu

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

hehkulamppu

kirjahylly

verho

patja

tyyny

viltti

hylly

vetolaatikko

vaatekaappi

ämpäri

luuta

vaaka

pyykkikori

kylpyamme

kylpypyyhe

saippua

vessapaperi

pyyhe

pesuallas

tikkaat

postilaatikko

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

aita



hàng rào

Ruoka

muna

juusto

maito

kala
ruoka

liha

luu
ruoka

öljy

leipä

sokeri

suklaa

karkki

kakku

vesi

kahvi

tee

olut

viini

salaatti

keitto

jälkiruoka

aamiainen

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

lounas

päivällinen

pizza

jäätelö

voi

jogurtti

tonnikala

lohi

kinkku

pekoni

makkara

kalkkuna

kana
ruoka

naudanliha

sianliha

lampaanliha

kurpitsa

sieni

tryffeli

valkosipuli

purjo

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

inkivääri

munakoiso

bataatti

porkkana

kurkku

chili

paprika

sipuli

peruna

kukkakaali

kaali

parsakaali

lehtisalaatti

pinaatti

bambu
ruoka

maissi

selleri

herne

papu

päärynä

omena

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

oliivi

viikuna

taateli

kookospähkinä

manteli

hasselpähkinä

maapähkinä

banaani

mango

kiivi

avokado

ananas

vesimeloni

viinirypäle

sokerimeloni

vadelma

mustikka

mansikka

kirsikka

luumu

aprikoosi

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

persikka

sitruuna

greippi

appelsiini

tomaatti

minttu

sitruunaruoho

kaneli

vanilja

suola

pippuri

curry

tupakka

tofu

etikka

nuudeli

soijamaito

jauho

riisi

kaura

vehnä

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

soija

pähkinä

hunaja

hillo

purukumi

pannukakku

pikkuleipä

vanukas

muffinssi

donitsi

energiajuoma

appelsiinimehu

omenamehu

pirtelö

kokis

kaakao

cocktail

rommi

viski

vodka

ruokalista

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

merenelävä

spagetti

sushi

popcorn

sipsit

kanansiivet

ranskanperunat

sinappi

majoneesi

ketsuppi

voileipä

nakkisämpylä

purilainen

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Koulu

kirja

kirjasto

kotitehtävät

koe

oppitunti

tiede

historia

taide

kynä

lyijykynä

ensimmäinen

toinen

kolmas

neljäs

tutkimus

aste

urheilukenttä

sanakirja

lukukausi

viikko

geometria

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

ngiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

politiikka

filosofia

taloustiede

liikunta

biologia

matematiikka

maantiede

kirjallisuus

kemia

fysiikka

viivoitin

kumi

sakset

teippi

liima

kuulakärkikynä

paperiliitin

3%

100%

0%

kuutiometri

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

ba phần trăm

kẹp giấy

bút bi

mét khối

không phần trăm

một trăm phần trăm

neliömetri

maili

metri

millimetri

senttimetri

desimetri

pluslasku

vähennyslasku

kertolasku

jakolasku

pinta

tilavuus

suorakulmio

neliö
geometria

kolmio

ympyrä

litra

millilitra

tonni

kilogramma

gramma

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

magneetti

mikroskooppi

suppilo

laboratorio

luento

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Luonto

tuhka

tuli

timantti

kuu

aurinko

tähti

planeetta

rannikko

järvi

metsä

aavikko

mäki

kivi
materiaali

joki

laakso

vuori

saari

valtameri

meri

jää

lumi

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

myrsky

sade

tuuli

puu

ruoho

ruusu

kukka
kasvi

metalli

maaperä

laava

kivihiili

hiekkä

savi

raketti

satelliitti

galaksi

asteroidi

maanosa

päiväntasaaja

Etelänapa

Pohjoisnapa

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

virta

sademetsä

luola

vesiputous

ranta

jäätikkö

maanjäristys

kraatteri

tulivuori

ilmakehä

tulva

sumu

sateenkaari

ukkonen

salama

ukonilma

lämpötila

taifuuni

hurrikaani

pilvi

haara

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

lehti

juuri

runko

siemen

muovi

hiilidioksidi

atomi

rauta

happi

kulta

hopea

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Liikenne

auto

bussi

juna

juna-asema

bussipysäkki

lentokone

laiva

kuorma-auto

polkupyörä

moottoripyörä

taksi

liikennevalo

parkkipaikka

tie

akku

moottori
auto

turvatyyny

ohjauspyörä

turvavyö

rengas

tavaratila

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

lippuautomaatti

lipunmyynti

metro

pikajuna

veturi

raitiovaunu

koulubussi

pikkubussi

lentokenttä

lentoyhtiö

helikopteri

ensimmäinen luokka

turistiluokka

business-luokka

pelastusliivi

kontti

sukellusvene

risteilijä

konttilaiva

jahti

lautta

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

satama

pelastusvene

tutka

katuvalo

jalkakäytävä

huoltoasema

rakennustyömaa

suojatie

liikenneuhka

moottoritie

tankki

kaivuri

traktori

perävaunu

skootteri

köysirata

ra đũa

xuống cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-moóc

máy kéo

xe cáp treo

Kaupunki

sairaala

koulu

talo

lasku

markkinat

ruokakauppa

huoneisto

yliopisto

maatila

kirkko

ravintola

baari

kuntosali

puisto

WC
julkinen

kartta

ambulanssi

poliisi
valtiovallan organisaatio

palomiehet

valtio

lähiö

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

kylä

takuu

ostoskeskus

apteekki

pilvenpiirtäjä

linna

suurlähetystö

synagoga

temppeli

tehdas

moskeija

kaupungintalo

postitoimisto

suihkulähde

yökerho

penkki

golfkenttä

jalkapallostadion

uima-allas
rakennus

tenniskenttä

turisti-info

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

kasino

taidegalleria

museo

kansallispuisto

matkamuisto

akvaario

vesiliukumäki

vuoristorata

vesipuisto

eläintarha

leikkipuisto

hätäuloskäynti
rakennus

palohälytys

palosammutin

poliisiasema

osavaltio

alue

pääkaupunki

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Sairaala

onnettomuus

potilas

leikkaus

pilleri

kuume

yskä

ensiapu

teho-osasto

odotushuone

aspiriini

unilääke

erääntymispäivä

annostus

yskänlääke

sivuvaikutus

insuliini

jauhe

kapseli

vitamiini

kipulääke

antibiootti

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

bakteeri

virus

sydänkohtaus

ripuli

diabetes

aivoinfarkti

astma

syöpä

influenssa

hammassärky

aurionpolttama

kurkkukipu

vatsakipu

infektio

allergia

kramppi

päänsärky

ruisku
työkalu

kainalosauva

röntgenkuva

ultraäänilaite

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quỵ

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

laastari

pyörätuoli

kipsi

pulssi

vahinko

häätä

aivotärähdys

palovamma

murtuma

ehkäisytabletti

raskaustesti

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Työ

lääkäri

sairaanhoidaja

poliisi
henkilö

presidentti

kapteeni

etsivä

lentäjä

professori

opettaja

lakimies

sihteeri

avustaja

tuomari

johtaja
osasto

kokki

taksikuski

bussikuski

malli

taiteilija

pääministeri

farmaseutti

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

palomies

hammaslääkäri

yrittäjä

poliitikko

ohjelmoija

lentoemäntä

tiedemies

lastentarhanopettaja

arkkitehti

kirjanpitäjä

konsultti

syyttäjä

toimitusjohtaja

henkivartija

vuokraisäntä

tarjoilija

vartija

sotilas

kalastaja

siivooja

putkimies

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

sähköasentaja

maanviljelijä

vastaanottovirkailija

postinkantaja

myyjä

kampaaja

kirjailija

toimittaja
sanomalehti

valokuvaaja

hengenpelastaja

laulaja

muusikko

näyttelijä

toimittaja
TV

valmentaja

erotuomari

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Yritys

raha

toimisto

stressi

vakuutus

henkilöstö

osasto

palkkaus

osoite

kirje

puhelinnumero

URL

sähköpostiosoite

verkkosivusto

sähköposti

allekirjoitus

menetys

voitto

asiakas

määrä

luottokortti

salasana

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

pankkiautomaatti

vero

kokoushuone

käyntikortti

IT

henkilöstöosasto

lakiasianosasto

kirjanpito

markkinointi

myynti

kollega

työnantaja

työntekijä

muistiinpano

esittely

kansio
paperi

kumileimasin

projektori

paketti
posti

leima

kirjekuori

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

selain

investointi

pörssi

seteli

kolikko

korko

laina

tilinumero

pankkitili

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Laitteet

puhelin

televisio

kamera

radio

tuuletin

ilmastointilaite

kahvinkeitin

leivänpaahdin

pölynimuri

hiustenkuivain

vedenkeitin

astianpesukone

liesi

uuni

mikroaaltouuni

jääkaappi

pesukone

kaukosäädin

kuuloke

hiiri
tietokone

näppäimistö

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

kovalevy

USB-tikku

skanneri

tulostin

näyttö

kannettava tietokone

robotti

kaiutin

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt